TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày: 25-02-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Trường Thọ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thế Hồi và bà Hoàng Thị Hòa.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25-02-2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2021/TLST-KDTM ngày 15-6-2021, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST ngày 20-01-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-KDTM ngày 10-02-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số x xx, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông C - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm N – Phó trưởng phòng phụ trách Phòng giao dịch N - Ngân hàng N – Chi nhánh K (Văn bản ủy quyền số: 128/UQ-VCB-PC ngày 27-5-2019 của Ngân hàng N. (Có mặt).

- *Đồng bị đơn:*

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989. (Vắng mặt);

+ Chị Phạm X, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – Ngân hàng N (Ngân hàng N) trình bày:

Ngày 08-5-2020, anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X có vay của Ngân hàng N số tiền 900.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 269/20/CT/NHNT.NH cùng ngày. Đến ngày 24-6-2020, anh D, chị X tiếp tục vay thêm 1.450.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 282/20/CT/NHNT.NH cùng ngày. Cả 02 hợp đồng đều có thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất cho vay 9,7%/năm, lãi suất quá hạn 12,61%/năm; mục đích vay: Kinh doanh hàng nông sản.

Để đảm bảo cho các khoản vay, đồng bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất theo:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CH 283336 ngày 03-5-2019 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CV 554321 ngày 06-5-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585252 ngày 28-5-2018 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CĐ 731690 ngày 30-12-2016 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Huỳnh D1 – bà Trịnh Thị L.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CU 397138 ngày 29-5-2020 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho bà Nguyễn Thị H1.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585248 ngày 21-5-2018 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng N đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh D vi phạm việc trả nợ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp để thông báo, đôn đốc, nhưng phía bị đơn vẫn cố tình không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh D và chị X phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25-02-2022 của từng khoản vay như sau:

- Đối với khoản vay ngày 08-5-2020: Anh D và chị X phải trả tổng số tiền 1.016.188.138đồng, trong đó: Nợ gốc 900.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 94.335.891đồng, lãi nợ quá hạn là 21.852.247đồng;

- Đối với khoản vay ngày 24-6-2020: Anh D và chị X phải trả tổng số tiền 1.635.707.544đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.450.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 155.827.215đồng, lãi nợ quá hạn 29.880.329đồng.

Đồng thời buộc vợ chồng anh D phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn phát sinh kể từ ngày 26-02-2022 cho đến khi thanh toán hết nợ vay. Nếu anh D, chị X không thực hiện đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh D và chị X để thu hồi nợ.

- *Đồng bị đơn - anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng đồng bị đơn luôn cố tình vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

+ Về việc tuân theo pháp luật:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tiến hành tố tụng đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Riêng đồng bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 297 và Điều 306 Luật Thương mại; các Điều 117, 119, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 463, 466, 501, 502 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh D và chị X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25-02-2022 như sau:

Đối với khoản vay ngày 08-5-2020: Anh D và chị X phải trả tổng số tiền 1.016.188.138đồng, trong đó: Nợ gốc 900.000.000đồng, tiền lãi 116.188.138đồng;

Đối với khoản vay ngày 24-6-2020: Anh D và chị X phải trả tổng số tiền 1.635.707.544đồng, trong đó: Nợ gốc 1.450.000.000đồng, tiền lãi 185.707.544đồng.

Tổng số tiền mà anh D, chị X phải trả cho cả 02 khoản vay là 2.651.895.682đồng.

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL đề nghị tuyên: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, đồng bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi nợ quá hạn của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán của từng khoản vay.

Trường hợp vợ chồng anh D không thanh toán được khoản nợ của Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết.

Về lệ phí: Căn cứ các Điều 157, 158 và 180 Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc đồng bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000đồng và chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.050.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc đồng bị đơn phải chịu 85.037.000đồng tiền án phí sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên. Theo nội dung hợp đồng, mục đích vay tiền của anh D và chị X là để kinh doanh hàng nông sản. Do vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện anh D, chị X có địa chỉ cư trú tại xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đồng bị đơn – anh D và chị X dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Theo trình bày của Ngân hàng N, vào các ngày 08-5-2020 và 24-6-2020, Ngân hàng có cho anh D, chị X vay 02 khoản tiền lần lượt là

900.000.000đồng và 1.450.000.000đồng. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân tiền vay, đồng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tính đến ngày xét xử vụ án, vợ chồng bị đơn còn nợ của Ngân hàng N tiền vay và lãi của cả 02 lần vay là 2.651.895.682đồng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn trả số tiền vừa nêu và lãi phát sinh kể từ ngày 26-02-2022 cho đến khi vợ chồng anh D thanh toán hết số tiền vay. Nếu anh D, chị X không thực hiện đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp: Giấy ủy quyền đề ngày 20-8-2019 của chị X và anh D; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 269/20/CT/NHNT.NH ngày 08-5-2020, Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 382/20/CT/NHNT.NH ngày 24-6-2020, các giấy rút tiền và giấy nhận nợ kèm theo 02 hợp đồng này; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 20/08/NHNT ngày 20-8-2019, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 08/05/NHNT ngày 08-5-2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 24/06/NHNT ngày 24-6-2020.

[5] Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh D và chị X luôn vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của Ngân hàng N và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

[7] Xét Hợp đồng tín dụng số: 269/20/CT/NHNT.NH ngày 08-5-2020 và Hợp đồng tín dụng số: 382/20/CT/NHNT.NH ngày 24-6-2020, được ký kết giữa Ngân hàng N với anh D có nội dung, hình thức phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; các chủ thể tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ tư cách chủ thể; mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, các Hợp đồng này có hiệu lực thi hành. Mặt khác, giấy rút tiền và giấy nhận nợ kèm theo 02 hợp đồng thể hiện, sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay. Từ đó có đủ cơ sở xác định vợ chồng anh D – chị X có vay của Ngân hàng N các khoản tiền như phía nguyên đơn trình bày là đúng.

[8] Về yêu cầu của Ngân hàng buộc anh D và chị X trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25-02-2022 là 2.651.895.682đồng {Trong đó: Khoản vay ngày 08-5-2020 là 1.016.188.138đồng (Nợ gốc 900.000.000đồng, tiền lãi trong hạn

94.335.891đồng, lãi nợ quá hạn 21.852.247đồng); Khoản vay ngày 24-6-2020 là 1.635.707.544đồng (Nợ gốc 1.450.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 155.827.215đồng, lãi nợ quá hạn 29.880.329đồng)}, đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn kể từ ngày 26-02-2022 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc của từng khoản vay: Là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại 02 hợp đồng tín dụng nêu trên và Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, phù hợp các bảng kê tính nợ gốc và lãi suất do nguyên đơn cung cấp. Bởi vậy, phần yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi của Ngân hàng N được chấp nhận.

[9] Hồ sơ vụ án cũng thể hiện: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X đã ký 03 hợp đồng để thế chấp cho Ngân hàng N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại:

[9.1] Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 93, địa chỉ thửa đất: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CH 283336 ngày 03-5-2019 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X.

[9.2] Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CV 554321 ngày 06-5-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X.

[9.3] Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 56, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585252 ngày 28-5-2018 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H.

[9.4] Thửa đất số 317, tờ bản đồ số 85, địa chỉ thửa đất: Thôn Hào Nưa, xã Đắk Kan, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CĐ 731690 ngày 30-12-2016 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Huỳnh D1 – bà Trịnh Thị L.

[9.5] Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 47, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CU 397138 ngày 29-5-2020 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho bà Nguyễn Thị H1.

[9.6] Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585248 ngày

21-5-2018 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H.

[10] Các hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng N với anh D và chị X phù hợp quy định về cả nội dung, hình thức và chủ thể tham gia giao kết; đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng pháp luật, nên có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm giải quyết vụ án, các tài sản thế chấp đang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh D, chị X, không có ai tranh chấp. Bởi vậy, chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu đồng bị đơn không trả đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[11] Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ theo từng khoản vay của Ngân hàng N thì anh D, chị X phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại; Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh D, chị X để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

[12] Với những nhận định, phân tích ở trên, có đủ cơ sở khẳng định: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi là có cơ sở, được chấp nhận.

[13] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình tham gia tố tụng, do anh D và chị X vắng mặt tại nơi cư trú nên phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với vợ chồng anh D. Chi phí thực hiện thủ tục thông báo hết 3.050.000đồng. Số tiền này, anh D, chị X phải chịu theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng. Bên cạnh đó, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên đồng bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000đồng. Các khoản chi phí này, Ngân hàng đã nộp tạm ứng, nên anh D, chị X phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[14] Về án phí: Anh D và chị X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.651.895.682đồng, nên phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 85.037.913đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 70, 91, 144, 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Các Điều 278, 280, 357, 463, 466, 468, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự;

- Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao);

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25-02-2022 là 2.651.895.682đồng *(hai tỷ, sáu trăm năm mươi mốt triệu, tám trăm chín lăm nghìn, sáu trăm tám hai đồng)*, trong đó:

- Đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 269/20/CT/NHNT.NH ngày 08-5-2020, được ký kết giữa Ngân hàng N với anh Nguyễn Văn D: Tổng số tiền phải trả là: 1.016.188.138đồng, trong đó: Nợ gốc 900.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 94.335.891đồng, lãi nợ quá hạn 21.852.247đồng;

- Đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 382/20/CT/NHNT.NH ngày 24-6-2020, được ký kết giữa Ngân hàng N với anh Nguyễn Văn D: Tổng số tiền phải trả là: 1.635.707.544đồng, trong đó: Nợ gốc 1.450.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 155.827.215đồng, lãi nợ quá hạn 29.880.329đồng.

Kể từ ngày 26-02-2022 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc của các khoản vay, anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X phải tiếp tục trả cho Ngân hàng N khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền vay chưa thanh toán tương ứng với từng khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số: 269/20/CT/NHNT.NH ngày 08-5-2020 và Hợp đồng cho vay từng lần số: 382/20/CT/NHNT.NH ngày 24-6-2020, được ký kết giữa Ngân hàng N với anh Nguyễn Văn D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X không trả đủ tổng số tiền còn nợ theo các hợp đồng cho vay thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi kê biên, bán đấu giá để thu hồi nợ đối với các tài sản thế chấp, gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 93, địa chỉ thửa đất: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát

hành: CH 283336 ngày 03-5-2019 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 20/08/NHNT ngày 20-8-2019);

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CV 554321 ngày 06-5-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 08/05/NHNT ngày 08-5-2020).

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 56, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585252 ngày 28-5-2018 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H (chuyển nhượng ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X ngày 28-4-2020). (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 08/05/NHNT ngày 08-5-2020).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 317 {thửa đất trước khi thay đổi là 08a (138+136a)}, tờ bản đồ số 85, địa chỉ thửa đất: Thôn Hào Nưa, xã Đắk Kan, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CĐ 731690 ngày 30-12-2016 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Huỳnh D1 – bà Trịnh Thị L (chuyển nhượng ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X ngày 27-5-2020). (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 24/06/NHNT ngày 24-06-2020);

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 47, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CU 397138 ngày 29-5-2020 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho bà Nguyễn Thị H1 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X ngày 15-6-2020). (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 24/06/NHNT ngày 24-06-2020).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585248 ngày 21-5-2018 do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D và bà Phạm X ngày . (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 24/06/NHNT ngày 27-5-2020).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ của Ngân hàng theo các hợp đồng cho vay, thì anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ còn lại và Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X phải hoàn trả cho Ngân hàng N 8.000.000đồng *(tám triệu đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 3.050.000đồng *(ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X không trả đủ các khoản tiền chi phí tố tụng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

3. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Phạm X phải nộp 85.037.913đồng *(tám mươi lăm triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm mười ba đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 40.372.000đồng *(bốn mươi triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2016/ 0002734 ngày 14-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

4. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25-02-2022), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Ngọc Hồi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Trường Thọ